

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh dự toán NSNN và phân bổ dự toán cho các
đơn vị dự toán khối trường học xã Hải Hậu**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI HẬU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH13;

Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của HĐND xã Hải Hậu về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Hải Hậu năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Hải Hậu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Hải Hậu năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 225 -TB/ĐU ngày 16/06/2026 của Đảng ủy xã Hải Hậu thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy về chủ trương phân bổ dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2026;

Xét Tờ trình số 187/TTr-KT ngày 16/06/2026 của Phòng Kinh tế xã Hải Hậu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán (thu hồi dự toán) ngân sách nhà nước giao đầu năm năm 2026 đã giao cho 2 đơn vị trường do biến động biên chế, sau khi đối trừ số kinh phí cấp bổ sung nhiệm vụ chi phát sinh, số tiền: 337.371.000 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng).

(Chi tiết theo biểu số 01 đính kèm)

Điều 2. Phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2026 cho 13 đơn vị trường còn lại (gồm 07 trường sau khi đối trừ số kinh phí cần thu hồi do biến động biên chế và 6 trường còn lại), số tiền: 1.901.622.000 đồng (Một tỷ chín trăm linh một triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng)

(Chi tiết theo biểu số 02 đính kèm)

Nguồn kinh phí:

- Từ nguồn thu hồi về ngân sách xã của 2 trường do biến động biên chế tại Điều 1 Quyết định này, số tiền: 337.371.000 đồng.

- Từ nguồn ngân sách xã chưa phân bổ năm 2026: 1.564.251.000.000 đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các phòng ban, các đơn vị dự toán có trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán khoản kinh phí nêu tại Điều 1, Quyết định này đúng mục đích và chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

2. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với KBNN khu vực V - Phòng giao dịch số 7 tổ chức thực hiện kinh phí tại Điều 1, Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, KBNN khu vực V - Phòng giao dịch số 7 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo UBND-HĐND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Kỳ

PHỤ LỤC I
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN (THU HỒI DỰ TOÁN) NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 CHO CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 16/06/2026 của UBND xã Hải Hậu)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Mã QHNS	Chương - Khoản	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (Nguồn 13)			Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (Nguồn 12)				Tổng Kinh phí
				KP chi trả lương, nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn...			Chính sách miễn giảm, hỗ trợ học phí			Bổ sung các Phần mềm trong năm của trường	
				KP bổ sung	KP thu hồi	Tổng kinh phí bổ sung/thu hồi sau khi đối trừ	Chi phí hỗ trợ học tập ND 238	Chi phí hỗ trợ học tập TT42	Tổng cộng		
A	B	C	D	1	2	3=1-2	4	5	6=4+5	7	8=3+6+7
	TỔNG CỘNG			231.391.000	641.959.000	(410.568.000)	6.750.000	18.720.000	25.470.000	47.727.000	(337.371.000)
1	Trường Tiểu học Hải Bắc	1107985	822-072	148.233.000	314.662.000	(166.429.000)	3.000.000	9.360.000	12.360.000	27.567.000	(126.502.000)
2	Trường THCS Hải Bắc	1004452	822-073	83.158.000	327.297.000	(244.139.000)	3.750.000	9.360.000	13.110.000	20.160.000	(210.869.000)

PHỤ LỤC II
PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 CHO CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 16/06/2026 của UBND xã Hải Hậu)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Mã QHNS	Chương - Khoản	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (Nguồn 13)			Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (Nguồn 12)				Tổng Kinh phí
				KP chi trả lương, nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn...			Chính sách miễn giảm, hỗ trợ học phí			Bổ sung các Phần mềm trong năm của trường	
				KP bổ sung	KP thu hồi	Tổng kinh phí bổ sung/thu hồi sau khi đối trừ	Chi phí hỗ trợ học tập ND 238	Chi phí hỗ trợ ăn trưa	Tổng cộng		
A	B	C	D	1	2	3=1-2	4	5	6=4+5	7	8=3+6+7
	TỔNG CỘNG			2.057.707.000	473.092.000	1.584.615.000	33.000.000	12.800.000	45.800.000	271.207.000	1.901.622.000
1	Trường Mầm non Hải Bắc	1129462	822-071	98.374.000	27.710.000	70.664.000	750.000	4.000.000	4.750.000	6.500.000	81.914.000
2	Trường Mầm non Hải Long	1129451	822-071	212.236.000	119.232.000	93.004.000		1.600.000	1.600.000	11.198.000	105.802.000
3	Trường Mầm non Hải Phương	1129442	822-071	124.334.000	27.710.000	96.624.000	750.000	3.200.000	3.950.000	6.036.000	106.610.000
4	Trường Mầm non Hải Trung	1129434	822-071	89.130.000	76.904.000	12.226.000		800.000	800.000	7.332.000	20.358.000
5	Trường Mầm non Yên Định	1129430	822-071	122.546.000		122.546.000		3.200.000	3.200.000	6.198.000	131.944.000
6	Trường Tiểu học Hải Long	1107993	822-072	84.608.000	51.416.000	33.192.000	3.750.000		3.750.000	25.525.000	62.467.000
7	Trường Tiểu học Hải Phương	1102678	822-072	99.116.000	77.260.000	21.856.000	7.500.000		7.500.000	31.506.000	60.862.000
8	Trường Tiểu học Hải Trung	1102681	822-072	535.305.000	92.860.000	442.445.000	5.250.000		5.250.000	44.297.000	491.992.000
9	Trường Tiểu học Yên Định	1108009	822-072	109.222.000		109.222.000	3.000.000		3.000.000	32.587.000	144.809.000
10	Trường THCS Hải Long	1001434	822-073	146.865.000		146.865.000	3.750.000		3.750.000	26.783.000	177.398.000
11	Trường THCS Hải Phương	1002589	822-073	191.930.000		191.930.000	2.250.000		2.250.000	20.697.000	214.877.000
12	Trường THCS Hải Trung	1010096	822-073	130.003.000		130.003.000	5.250.000		5.250.000	31.788.000	167.041.000
13	Trường THCS Hải Hậu	1002487	822-073	114.038.000		114.038.000	750.000		750.000	20.760.000	135.548.000